

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **229/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29/11/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bích - Cán bộ hưu trí.
2. Bà Dương Thị Ninh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18/10/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6 Nh, xã Ph, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Số nhà 05, tổ 12, khu 4, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Anh Diệp Văn N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn 6 Nh, xã Ph, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Diệp Văn N chung sống với nhau từ tháng 8 năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với nhau được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Thực tế chị và anh N đã sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị và anh Diệp Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có 03 con chung,

gồm: Cháu Diệp Thị L, sinh ngày 04/9/1989, cháu Diệp Văn Ch, sinh ngày 14/10/1990 và cháu Diệp Văn Th, sinh ngày 16/10/1993, hiện các cháu đã trưởng thành và xây dựng gia đình, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Diệp Văn N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1988, trước khi chung sống được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và do chị T đi làm ăn xa nên hai người không còn quan tâm đến nhau. Thực tế anh và chị T sống ly thân từ năm 2010 đến nay, anh N xác định không còn tình cảm với chị T, nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh và chị T có 03 con chung, gồm: Cháu Diệp Thị L, sinh ngày 04/9/1989, cháu Diệp Văn Ch, sinh ngày 14/10/1990 và cháu Diệp Văn Th, sinh ngày 16/10/1993, hiện các cháu đã trưởng thành và xây dựng gia đình, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N là vợ chồng. Về con chung, tài sản và vay nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Diệp Văn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với nhau được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra chị T và anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: *“Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định... Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.”* và tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*.

Như vậy chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy cần xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N có 03 con chung, gồm: Cháu Diệp Thị L, sinh ngày 04/9/1989, cháu Diệp Văn Ch, sinh ngày 14/10/1990 và cháu Diệp Văn Th, sinh ngày 16/10/1993 hiện đã trưởng thành, chị T và anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T và anh N cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị T và anh N cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều Điều 28; 147; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Văn N là vợ chồng.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0004537, ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

Anh Diệp Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyền

